

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-PT  
Ngày 18 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Phong

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Trần Văn San

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Toàn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:103/2017/HSPT ngày 01 tháng 12 năm 2017 đối với Nguyễn Thị N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

***Bị cáo có kháng cáo:***

**Nguyễn Thị N**, sinh năm 1976; Nơi ĐKNKTT: thôn Đ, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nơi tạm trú: Tiểu khu T, thị trấn M, huyện B, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông L và bà C; Có chồng là T (đã ly hôn) và 03 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 06/8/2017 và chuyển tạm giam ngày 09/8/2017 đến ngày 01/9/2017 được tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

***Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị:***

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: NLQ1, sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn D, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 02/2017, Nguyễn Thị N thuê của anh S, sinh năm 1972, trú tại thôn Đ, xã X, huyện B, tỉnh Hà Nam một căn nhà cấp 4 tại tiểu khu T, thị trấn M, huyện B để mở quán giải khát, gọi đầu 666. Tháng 5/2017, NLQ1, sinh năm 1986, trú tại thôn D, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An đã đến gặp N tại quán giải khát, gọi đầu 666 xin làm nhân viên. N chủ động thỏa thuận với NLQ1 ngoài việc bán hàng và gọi đầu cho khách, nếu N1 giới có nhu cầu tắm quất thư giãn hoặc mua sâm thì N sẽ gọi NLQ1 phục vụ, mỗi lần bán sâm N sẽ thu của khách số tiền 200.000đ, N và NLQ1 mỗi người hưởng 100.000đ; mỗi lần tắm quất thư giãn N sẽ thu số tiền 120.000đ, N và NLQ1 mỗi người hưởng 60.000đ. N có trách nhiệm nuôi ăn và bố trí chỗ ở cho NLQ1 tại quán giải khát, gọi đầu 666.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/8/2017, N đang ở quán giải khát, gọi đầu 666 thì có hai đối tượng Lê Đình T, sinh năm 1981 và Phan Văn N1, sinh năm 1980, đều trú tại xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam đi cùng một xe mô tô đến quán. T gọi 2 lon nước ngọt, 01 bao thuốc lá và hỏi N “Quán có gì?”, ý muốn hỏi quán có gái bán sâm không thì N bảo “Quán chị có thư giãn và đi nhanh”, ý muốn nói quán có nhân viên tắm quất thư giãn và bán sâm, đồng thời cho biết giá một lần mua sâm là 200.000đ, T đồng ý nói “Cho em đi nhanh”, N liền gọi NLQ1 ra và nói “Vào phòng tiếp khách”. NLQ1 dẫn T vào gian phòng phía ngoài, giáp với cửa ra vào của quán để thực hiện hành vi mua sâm. Khoảng 10 phút sau khi giao cấu xong thì T và NLQ1 đi ra, lúc này N1 bảo N cho N1 mua sâm với NLQ1 thì N đồng ý để NLQ1 tiếp tục bán sâm cho N1, NLQ1 dẫn N1 vào gian phòng phía trong cạnh gian phòng lúc trước để thực hiện hành vi mua bán sâm. Khi đó ở gian phòng khách, T đưa cho N 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ để trả 400.000đ tiền mua bán sâm của T, N1 và 30.000đ tiền nước, thuốc; N cầm tiền, trả lại cho T 70.000đ tiền thừa rồi cất tiền vào túi quần phía sau bên trái đang mặc. Trong lúc N1 và NLQ1 đang thực hiện hành vi giao cấu thì lực lượng Công an huyện B phối hợp cùng Công an thị trấn M vào kiểm tra hành chính về an ninh trật tự đã phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi mua sâm của N1 và NLQ1; thu của Phạm Văn N1 01 bao cao su đã qua sử dụng, thu tại gian phòng nơi N1 và NLQ1 thực hiện hành vi mua bán sâm 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu VIP màu vàng. Thu tại túi quần phía sau bên trái N đang mặc số tiền 750.000đ được niêm phong trong phong bì ký hiệu TC. Khám xét chỗ ở và đồ vật của Nguyễn Thị N thu giữ: tại ngăn đựng đồ của quầy bar 01 túi xách giả da màu đen, không có nhãn hiệu sản xuất, kiểm tra bên trong có 08 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng, nhãn hiệu VIP màu vàng. Tại gian phòng sát cửa ra vào của quán 01 bao cao su chưa qua sử dụng, nhãn hiệu VIP màu vàng; 01 mảnh vỏ bao cao su đã qua sử dụng, nhãn hiệu VIP màu vàng; 07 vỏ bao cao

su đã qua sử dụng, nhãn hiệu HERMAN màu cam, 01 biển quảng cáo kích thước (125x63x10)cm trên cả hai mặt biển quảng cáo đều có chữ số “Giải khát, gọi đầu 666”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 25/10/2017 Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Chứa mại dâm*”. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các khoản 2, 3, 4 Điều 30; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Thị N 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2017 đến ngày 01/9/2017). Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định phạt bổ sung, xử lý vật chứng vụ án, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định ngày 03/11/2017 bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin rút yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên quan điểm kháng cáo xin hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng, do đó có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo N. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị N thừa nhận vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/8/2017 đã bố trí cho NLQ1 bán dâm cho Lê Đình T và Phan Văn N1 tại quán giải khát, gọi đầu 666 tiểu khu T, thị trấn M, huyện B, tỉnh Hà Nam do mình trực tiếp quản lý và đã thu của T số tiền 400.000đ tiền mua dâm. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các đối tượng gái bán dâm, người mua dâm.

Như vậy có đủ cơ sở khẳng định, bản án hình sự sơ thẩm đã xét xử và tuyên bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “*Chứa mại dâm*” theo khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mại dâm là một tệ nạn xã hội, là một trong những nguyên nhân làm lây truyền bệnh HIV-AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác, xâm hại đến thuần phong mỹ tục của người Việt Nam và làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an của địa phương gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặc dù bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và gây nhiều tác hại cho xã hội xong vì háms lợi, đã tổ chức mua bán dâm bất chính, bất chấp quy định nghiêm cấm của pháp luật, do vậy cần xử lý về hình sự đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa loại tội phạm này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến hành vi, nhân thân bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 01 năm 6 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo N thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc hộ nghèo, là lao động chính trong gia đình đang trực tiếp một mình nuôi 3 con và chồng (đã ly hôn) đang bị bệnh suy thận (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo xuất trình tài liệu mới chứng minh bố chồng bị cáo là T và bố đẻ L có công với cách mạng, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm phần nào nhận thức ra sai phạm của mình thể hiện mong muốn được sửa chữa sai lầm, bị cáo phạm tội lần đầu có nơi cư trú rõ ràng, trình độ văn hóa của bị cáo mới học hết lớp 4/12 nhận thức còn hạn chế nên đã có hành vi phạm tội như phân tích ở trên. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe giáo dục phòng ngừa chung, phù hợp với quy định tại Điều 60 Bộ luật hình sự. Kháng cáo xin được hưởng án treo để cải tạo tại địa phương của bị cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo

Nguyễn Thị N. Sửa bản án sơ thẩm số 51/2017/HSST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Thị N 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Chứa mại dâm*”. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (18/01/2018).

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị N đã nộp 1.850.000đ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/01894 ngày 29/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, khoản tiền này sẽ được đối trừ trong khi thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị N không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

**Lại Văn Phong**

